



Nhìn lại thành tựu một chặng đường của thị trường bảo hiểm Việt Nam

THS. NGUYỄN TIẾN HÙNG

Còn 3 tháng nữa thập niên đầu tiên của thế kỷ 21 với bao đổi thay, biến động của nền kinh tế thế giới và VN sẽ kết thúc. Và cũng chỉ 3 tháng nữa, thị trường bảo hiểm VN hình thành kể từ khi Chính phủ ban hành nghị định 100CP ngày 18/12/1993 sẽ bước sang tuổi 18.

Có lẽ đây là thời điểm thích hợp để nhìn lại chặng đường 10 năm của ngành bảo hiểm thương mại nước ta, từ một “cậu bé thiếu niên” đã vươn mình như thế nào để trở thành một “chàng trai trưởng thành”, sẵn sàng cho hành trình “ra biển lớn”. Điểm lại những thành tựu 10 năm của thị trường bảo hiểm VN là vấn đề chúng tôi sẽ đề cập trong bài viết này và sẽ mở đầu cho chuỗi bài nghiên cứu xoay quanh chủ đề nhận định, đánh giá thực trạng và đưa ra những giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm VN trong giai đoạn sắp tới.

1. Môi trường pháp lý chuyên ngành được xây dựng và hoàn thiện

Nếu như giai đoạn trước (1993-1999), tất cả các hoạt động của thị trường bảo hiểm chỉ được điều chỉnh bởi một văn bản duy nhất của Chính phủ là nghị định 100CP và các thông tư hướng dẫn. Việc điều chỉnh cũng chỉ tập trung vào việc thành lập và hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm như: việc xét cấp giấy chứng nhận đủ điều

kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm, bước đầu hình thành cơ chế quản lý tài chính phù hợp đặc thù chuyên ngành. Nhiều mảng của thị trường bảo hiểm vẫn còn bỏ trống, chưa điều chỉnh hoặc nếu có với hình thức can thiệp hành chính trực tiếp. Luật kinh doanh bảo hiểm 2000 được ban hành như là một dấu son mở đầu cho một thập niên phát triển thị trường bảo hiểm. Môi trường pháp lý ngành bảo hiểm thương mại từ đó đến nay được tiếp tục xây dựng và ngày càng hoàn thiện:

- Một là, thị trường bảo hiểm được phát triển một cách có chiến lược với sự ra đời của “Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm VN từ năm 2003 đến năm 2010” (QĐ 175/2003), “Kế hoạch phát triển thị trường bảo hiểm VN 2006-2010” (QĐ 4056);

- Hai là, hoạt động của thị trường bảo hiểm được điều chỉnh ngày càng đầy đủ và chặt chẽ hơn bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật: thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, thiết



Phụ lục 1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động lĩnh vực bảo hiểm thương mại được ban hành trong giai đoạn 2000-2010

Năm	Văn bản
2001	Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 có hiệu lực từ 01/04/2001
2002	- Nghị định 42/2001/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 8 năm 2001 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm; - Nghị định 43/2001/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 8 năm 2001 quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;
2003	- Quyết định số 175/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29 tháng 8 năm 2003 về phê duyệt "Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm VN từ năm 2003 đến năm 2010; - Nghị định số 118/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2003 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; - Quyết định số 153/2003/QĐ-BTC ngày 22/09/2003 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu giám sát doanh nghiệp bảo hiểm; - Quyết định số 134/2003/QĐ-BTC ngày 20/08/2003 qui định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Bảo hiểm thuộc Bộ Tài Chính.
2004	Quyết định số 14/2004/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 16 tháng 01 năm 2004 về việc ban hành quy tắc, biểu phí bảo hiểm bồi thường cho người lao động trong các doanh nghiệp xây dựng, lắp đặt.
2005	- Nghị định số 18/2005/NĐ-CP ngày 24/02/2005 quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ; - Nghị định số 125/2005/NĐ-CP ngày 07/10/2005 quy định về chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự người kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa dễ cháy và dễ nổ trên đường thủy nội địa; - Bộ luật dân sự 2005, Chương XVIII mục 11 (từ điều 567 đến điều 580) quy định về hợp đồng bảo hiểm; - Bộ luật hàng hải 2005, Chương XVI (từ điều 224 đến điều 257) quy định về hợp đồng bảo hiểm hàng hải;
2006	- Quyết định số 4056/QĐ-BTC ngày 13/12/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về ban hành Kế hoạch phát triển thị trường bảo hiểm VN 2006-2010; - Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
2007	- Quyết định số 28/2007/QĐ-BTC ngày 24/04/2007 về việc ban hành quy tắc và biểu phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; - Nghị định số 45/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/03/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm (Thay thế NĐ 41/2001); - Nghị định số 46/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/03/2007 qui định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (Thay thế NĐ 42/2001); - Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20/12/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm - Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20/12/2007 quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. - Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;
2008	Nghị định số 103/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới
2009	- Quyết định số 288/QĐ-BTC ngày 12/02/2009 qui định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài Chính. - Nghị định số 41/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm (thay cho NĐ118/2003/NĐ-CP) - Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 155/2007/TT-BTC và Thông tư 156/2007/TT-BTC.



Bảng 1. Số lượng doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới bảo hiểm hoạt động trên thị trường

Lĩnh vực	2000	2002	2006	2007	2008	2009	6/2010
- Doanh nghiệp phi nhân thọ	11	13	21	22	27	28	28
- Doanh nghiệp nhân thọ	5*	4	7	9	11	11	11
- Doanh nghiệp tái bảo hiểm	1	1	1	1	1	1	1
- Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	1	2	8	8	10	10	10
Tổng số DNBH, MGBH	17	20	37	40	49	50	50

(*) Bảo Việt vừa kinh doanh nhân thọ lẫn phi nhân thọ

Nguồn: Cục Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính

Bảng 2. Số lượng và hình thức pháp lý doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới bảo hiểm

Lĩnh vực	DNNN		Cổ phần		VNN (**)		Tổng	
	2000	2009	2000	2009	2000	2009	2000	2009
Phi nhân thọ	3	2	3	14	5	12	11	28
Nhân thọ	1*	0		1	4	10	5*	11
Tái bảo hiểm	1			1			1	1
Môi giới			1	6	1	4	2	10
Tổng	4	2	4	22	10	26	18	50

(*) Bảo Việt vừa kinh doanh nhân thọ lẫn phi nhân thọ

(**) Bao gồm: công ty liên doanh và công ty 100% vốn nước ngoài (hình thức pháp lý theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000)

Nguồn: Hiệp hội bảo hiểm VN, Bộ Tài chính

lập và thực hiện hợp đồng bảo hiểm, hệ thống các chế độ bảo hiểm bắt buộc trong lĩnh vực bảo hiểm thương mại;

- Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm được nâng cấp (từ Phòng thành Vụ và bây giờ là Cục), được củng cố về bộ máy chức năng hoạt động nhằm có thể kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm nói riêng của thị trường nói chung.

2. Kết cấu thị trường thay đổi theo hướng tự do hóa

Nếu như đầu thập kỷ, thị trường bảo hiểm VN chỉ có 17 doanh nghiệp thì đến nay đã có 50 doanh nghiệp hoạt động, trong đó có 28 nhà bảo hiểm phi nhân thọ, 11 nhân thọ, 1 tái bảo hiểm và 10 nhà môi giới. Con số trên chưa kể một số doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài vì các lý do khác nhau đã rời khỏi

thị trường VN như: CMG (Úc), Allianz (Đức), Asia (Singapore), New York Life (Mỹ). Ngoài ra, còn có hơn 30 văn phòng đại diện của các tổ chức bảo hiểm, môi giới bảo hiểm nước ngoài khác đặt tại VN nhằm tiếp cận nghiên cứu, thiết lập dự án chuẩn bị bước vào thị trường nước ta.

Căn cứ hình thức pháp lý theo quy định hiện hành (Luật doanh nghiệp 2005), thị trường hiện nay có 22 công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 1 thành viên, 6 công ty TNHH 2 thành viên và 22 công ty cổ phần. Nhưng nếu theo quy định cũ trước đây (Luật kinh doanh bảo hiểm 2000) thị trường có 2 doanh nghiệp nhà nước, 22 công ty cổ phần và 26 công ty có vốn nước ngoài (công ty liên doanh/ công ty 100% vốn nước ngoài).

Như vậy, trong giai đoạn này,

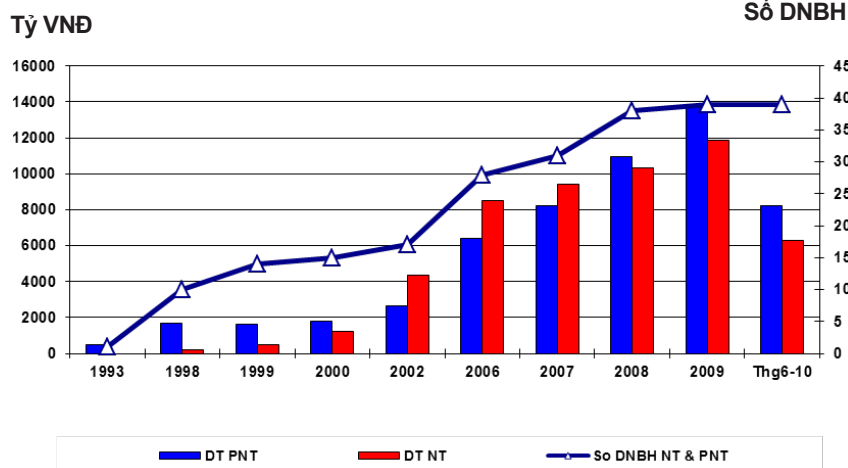
không chỉ số lượng doanh nghiệp bảo hiểm tăng trưởng mà chính sách tự do hóa trong lĩnh vực bảo hiểm thương mại đã được thực thi một cách mạnh mẽ, thể hiện qua:

(1) Các tổng công ty bảo hiểm lớn nhà nước vốn trước đây nắm phần lớn thị trường đã được cổ phần hóa (Bảo Việt, Bảo Minh, PVI,...);

(2) Sự xuất hiện ngày càng nhiều thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia kinh doanh bảo hiểm (Vass, AAA, Bảo Tín,...);

(3) Sự xâm nhập ngày càng nhiều của các nhà bảo hiểm nước ngoài, trong đó có nhiều nhà bảo hiểm, môi giới bảo hiểm hàng đầu thế giới (AIG, ACE, Marsh, Aon,...) vào thị trường VN không chỉ bằng cách thiết lập công ty 100% vốn hoặc liên doanh mà

Hình 1. Sự phát triển quy mô thị trường bảo hiểm VN



còn với tư cách cổ đông chiến lược ở các công ty cổ phần bảo hiểm lớn (AXA trong Bảo Minh, HSBC trong Bảo Việt, ...). Quá trình xâm nhập này sẽ còn tiếp tục trong thời gian tới khi kết thúc “thời gian chờ” đối với các cam kết gia nhập WTO của VN.

3. Tăng trưởng doanh thu với tốc độ cao

Doanh thu thị trường bảo hiểm tăng trưởng đều đặn, với tốc độ

cao trong suốt mười năm qua. Nếu năm 1999, doanh thu toàn thị trường chỉ ở mức 2.291 tỷ đồng thì năm 2009 đã tăng gấp 14 lần đạt mức 32.018 tỷ đồng. Điều khác biệt của thị trường VN so với thị trường bảo hiểm thế giới là vẫn tăng trưởng, thậm chí, vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao ngay cả trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng (2008: 15,4%, 2009: 14,1%). Đóng góp vào kết quả tích cực này, trước tiên phải kể đến là sự tăng trưởng

doanh thu phí bảo hiểm (tăng hơn 12 lần), tiếp đến là sự tăng trưởng của doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính.

Tăng trưởng cao và đều đặn, quy mô thị trường vì vậy ngày càng mở rộng. Bảo hiểm thương mại chiếm giữ vị trí ngày càng quan trọng hơn, đóng góp ngày càng lớn hơn vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế quốc dân. Kết thúc một thập niên, tỷ trọng của doanh thu thị trường bảo hiểm trong GDP là 1,95% (so với năm 1999: 0,57%). Phí bảo hiểm bình quân đầu người tăng từ 27.000 đồng/người lên 295.000 đồng/người.

4. Cơ cấu doanh thu thay đổi theo hướng đồng đều hơn

Mười năm qua chính là giai đoạn hình thành và phát triển của thị trường bảo hiểm nhân thọ. Năm 1998, lần đầu tiên và duy nhất Bảo Việt triển khai ra thị trường sản phẩm bảo hiểm nhân thọ (đồng thời vừa kinh doanh phi nhân thọ). Tiếp theo

Bảng 3. Tỷ trọng trong GDP và phí bảo hiểm bình quân đầu người

Chỉ tiêu	1999	2002	2006	2007	2008	2009
Đóng góp vào GDP (%)	0,57	1,46	1,74	2,12	1,90	1,95
Trong đó:						
+ Phi nhân thọ	0,40	0,49	0,61	0,72	0,74	0,83
+ Nhân thọ	0,12	0,81	0,81	0,82	0,70	0,72
+ Hoạt động đầu tư	0,05	0,16	0,33	0,58	0,46	0,40
Phí bảo hiểm bình quân đầu người (nghìn đồng)	27	88	177	207	247	295

Nguồn: Cục Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính

Bảng 4. Doanh thu thị trường bảo hiểm (Tỷ VNĐ)

Chỉ tiêu	1999	2002	2006	2007	2008	2009	6/2010
- Doanh thu phí	2.091	6.992	14.898	17.650	21.256	25.510	14.521
+ Phi nhân thọ	1.606	2.624	6.403	8.213	10.948	13.661	8.241
+ Nhân thọ	485	4.368	8.495	9.437	10.307	11.849	6.280
- Doanh thu đầu tư	200	833	3.478	6.623	6.799	6.506	n/a
Doanh thu toàn thị trường	2.291	7.825	18.376	24.273	28.055	32.018	

Nguồn: Cục Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính



Bảng 5. Tổng tài sản, dự phòng nghiệp vụ ngành bảo hiểm, bồi thường – trả tiền bảo hiểm (Tỷ VND)

Các chỉ tiêu chủ yếu	1999	2002	2006	2007	2008	2009
Tổng tài sản (tỷ đồng)	3.692	12.503	39.698	57.543	71.831	82.802
Tổng dự phòng nghiệp vụ (tỷ đồng)	2.107	8.685	27.707	35.685	41.214	49.181
- Dự phòng nghiệp vụ của doanh nghiệp PNT			3.778	4.461	5.503	7.097
- Dự phòng nghiệp vụ của doanh nghiệp NT			23.929	31.224	36.711	42.084
Bồi thường và trả tiền bảo hiểm	789	1.400	5.690	6.627	9.533	9.721

Nguồn: Cục Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính

Bảng 6. Đầu tư trở lại nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm (Tỷ VND)

	1999	2002	2006	2007	2008	2009
Đầu tư trở lại nền kinh tế	2.664	9.955	30.661	46.549	56.435	66.905

Nguồn: Cục Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính

Bảng 7. Số lao động trên toàn ngành bảo hiểm (nhân viên và đại lý)

Chỉ tiêu	1999	2002	2006	2007	2008	2009
Số lao động ngành bảo hiểm	30.000	76.600	118.200	131.910	135.256	182.319

Nguồn: Cục Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính

đó là sự xuất hiện của các nhà bảo hiểm nhân thọ nước ngoài: Chinfon – Manulife, Prudential (1999), Baominh – CMG (2000), AIA (2001),... Đến nay, thị trường có 11 công ty nhân thọ, trong đó có 9 công ty 100% vốn nước ngoài góp phần trong con số 13.661 tỷ đồng doanh thu phí vào năm 2009, tăng gấp 28 lần năm 1999. Tỷ trọng phí bảo hiểm nhân thọ trong doanh thu toàn thị trường thay đổi đáng kể: 21,2% năm 1999 tăng lên 37% vào năm 2009.

Tương tự, doanh thu đầu tư cũng tăng mạnh; đạt 6.506 tỷ đồng năm 2009 chiếm tỷ lệ 20,3% (năm 1999 chưa đến 10%). Trong khi đó, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ chiếm tỷ trọng chỉ còn 42,7% năm 2009 so với đầu thập niên là hơn 70%. Điều này cho thấy cơ cấu doanh thu toàn thị trường thay đổi theo hướng đầy đủ lĩnh vực và đồng đều hơn.

5. Năng lực thị trường bảo hiểm ngày càng tăng, góp phần vào ổn định kinh tế - xã hội

Cùng với sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm, phát triển hoạt động kinh doanh đa dạng, các doanh nghiệp trích lập dự phòng nghiệp vụ đầy đủ, tương ứng với phần trách nhiệm bảo hiểm giữ lại, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm. Tổng dự phòng nghiệp vụ toàn thị trường bảo hiểm năm 2009 đạt 49.181 tỷ đồng tăng rất nhiều lần so với năm 1999 (2.107 tỷ đồng).

Bên cạnh đó, vốn của các doanh nghiệp tăng 2 lần đáp ứng quy định của chính phủ về vốn pháp định, trong đó, đáng kể là nguồn FDI vào lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, cũng như tích lũy từ kết quả kinh doanh, thặng dư vốn từ kết quả cổ phần hóa, tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường VN tăng nhanh trong 10 năm qua góp phần củng cố năng lực tài

chính của toàn thị trường.

Với mức bồi thường và trả tiền bảo hiểm toàn thị trường năm 2009 là 9.721 tỷ đồng, ngành bảo hiểm thương mại phát huy vai trò tích cực của một công cụ an toàn và dự phòng tài chính cho các tổ chức và cá nhân dân cư trong xã hội.

6. Nâng cao vai trò trung gian tài chính, đầu tư trở lại nền kinh tế

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã tạo lập nguồn vốn lớn và dài hạn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2009, tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế là 10.214 tỷ đồng, nâng tổng số tiền đầu tư của toàn ngành bảo hiểm đến cuối năm 2009 lên 66.905 tỷ đồng (tăng gấp 25 lần so với 1999). Công tác đầu tư vốn của các doanh nghiệp ngày càng được cải thiện và đi vào chiều sâu nhằm đảm bảo lựa chọn được các dự án đầu tư thích hợp, an toàn cho nguồn vốn và mang



lại hiệu quả kinh tế cao (góp vốn liên doanh, tham gia thành lập công ty cổ phần, cho vay, tham gia các dự án đầu tư, mua trái phiếu chính phủ, mua cổ phiếu, gửi tiết kiệm ngân hàng...). Các doanh nghiệp bảo hiểm tập trung đầu tư vào các lĩnh vực: mua trái phiếu chính phủ chiếm 37,37%, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng chiếm 32,97%, mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh chiếm 6,02% (số liệu năm 1999). Thông qua việc đa dạng hoá hoạt động đầu tư, các doanh nghiệp bảo hiểm đã thu được nhiều kết quả quan trọng từ đầu tư tài chính, giúp hình thành phần lớn lợi nhuận của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

7. Phát triển thị trường lao động ngành, tạo nhiều công ăn việc làm

Tổng số lao động ngành bảo hiểm năm 2009 là 182.319 người, trong đó, 90% là đại lý và khoảng 10% là nhân viên của các công ty bảo hiểm. Trong 10

năm qua, ngành bảo hiểm liên tục đứng trong top các ngành hấp dẫn lao động không chỉ do tăng trưởng nhu cầu cao mà còn do có mức thu nhập cao và môi trường làm việc tốt, ổn định.

Tổng đại lý bảo hiểm năm 2009 đạt 164.636 đại lý, tăng 33% so với năm 2008, gấp 6 lần so với năm 1999. Trong đó, đại đa số là đại lý bảo hiểm nhân thọ - 127.030 người, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ là 37.561 người. Con số trên phản ánh số đại lý làm việc trong năm nhưng nếu tính trong 10 năm 1999-2009 thì phải có đến hàng triệu lượt người tham gia hoạt động đại lý bảo hiểm trên thị trường.

Kết luận

Nhìn lại thành tựu chặng đường mười năm của thị trường bảo hiểm VN (1999 – 2009), có thể đưa ra những nhận định chung như sau:

- Một là, thị trường đạt mức tăng trưởng cao và duy trì xu hướng tăng trưởng trong suốt 10 năm. Quy mô thị trường vì vậy

ngày càng lớn (doanh số, số lượng doanh nghiệp);

- Hai là, kết cấu thị trường đã thay đổi tích cực: đầy đủ các lĩnh vực hoạt động vốn có của nó, đồng đều hơn và theo hướng tự do hóa, thu hút được sự đầu tư to lớn của mọi thành phần kinh tế trong nước và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Nhờ vậy, năng lực tài chính của thị trường ngày càng nâng cao đáp ứng nhu cầu dự phòng tài chính, đảm bảo rủi ro cho toàn bộ nền kinh tế xã hội với vai trò là “lá chắn kinh tế”. Bên cạnh đó, trong giai đoạn này, ngành bảo hiểm

thương mại còn tạo ra nhiều việc làm ổn định, có thu nhập cao cho người lao động trong xã hội;

- Ba là, trong giai đoạn này, vai trò trung gian tài chính của ngành bảo hiểm đã được khẳng định trên thực tế. Các doanh nghiệp bảo hiểm đã thực sự trở thành nhà đầu tư lớn khi nắm giữ một kênh huy động vốn hiệu quả và ổn định cho nền kinh tế;

- Bốn là, môi trường pháp lý chuyên ngành được xây dựng và hoàn thiện tạo hành lang cho sự tăng trưởng mạnh trong giai đoạn này và làm nền tảng bước đầu cho sự phát triển lâu dài của thị trường trong tương lai. ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, *Thị trường bảo hiểm VN năm 2009*, NXB Tài chính, 2010;
2. Hiệp hội bảo hiểm VN, *Bản tin Thị trường bảo hiểm* (nhiều số), 2000-2010;
3. Nguyễn Tiến Hùng, *Nguyên lý và thực hành bảo hiểm*, NXB Tài chính, 2007;
4. Nguyễn Tiến Hùng, *Nguyên lý và thực hành bảo hiểm*, UEF (lưu hành nội bộ), 2010;